TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-3-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Giang

2. Bà Đào Thụy Phương Tâm

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Thị Y Phụng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1983. Địa chỉ cư trú: ấp L, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Anh Huỳnh Văn T, sinh năm 1982. Địa chỉ cư trú: ấp L, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/12/2022 trong quá trình tiến hành tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T, trình bày:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T cưới nhau vào năm 2002, không nhớ ngày tháng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện HN, tỉnh ĐT. Hôn nhân do quen biết trước được vài tháng, sau khi cưới chị và anh T cùng sống

chung với gia đình anh T, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chung sống không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân do anh T thường xuyên ghen tuông, kiếm chuyện và đánh chị, anh T đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh ít khi về nhà, chị phải tự kiếm tiền để nuôi sống bản thân, chị và anh T mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm chăm lo cho nhau. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Chị và anh T không còn sống chung từ tháng 5 năm 2022 cho đến nay, vợ chồng không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn T.

[2] Về nuôi con chung: Chị và anh T chung sống có hai con chung, đều là con trai. Đối với con trai Huỳnh Văn Cát T, sinh ngày 12/02/2011, đang sống cùng anh T và mẹ chồng chị, khi con chung sống cùng anh T thì hàng tháng chị đều gởi tiền về cho con chung từ 500.000đ đến 1.000.000đ, chị thống nhất giao con chung Cát T cho anh T nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Đối với con chung Huỳnh Văn Ngọc A, sinh ngày 03/9/2003 đã trưởng thành, có khả năng lao động sinh sống được và đang đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện chị đang làm thợ hồ, trung bình mỗi tháng được 10.000.000đ, trừ tiền nhà trọ, tiền xăng xe, chi phí sinh hoạt cá nhân ra thì mỗi tháng dư được 4.000.000đ – 5.000.000đ. Anh T hiện đang làm nghề gì chị không rõ, khi còn sống chung thì chị biết anh T nuôi gà mướn, không rõ thu nhập mỗi tháng được bao nhiêu tiền.

[3] Về chia tài sản chung: Khi nộp đơn khởi kiện chị nghỉ do chị và anh T là con út trong gia đình căn nhà của cha mẹ anh T sau này là thuộc về vợ chồng chị và chị cũng thống nhất giao cho anh T sở hữu, không yêu cầu chia căn nhà nên ghi là tài sản chung tự thỏa thuận. Thực tế khi chị và anh T còn sống chung thì không có tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Chị và anh T chung sống không có thiếu nợ ai, cũng không có ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng: Bị đơn anh Huỳnh Văn T đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh T vẫn không có mặt và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T, cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Huỳnh Văn T. Về nuôi con chung: Giao con chung Huỳnh Văn Cát T, sinh ngày 12/02/2011 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị T cấp dưỡng nuôi con chung Cát T theo quy định của pháp luật, còn con chung Huỳnh Văn Ngọc A, sinh ngày 03/9/2003 đã trưởng thành, có khả năng lao động sinh sống được. Tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập đến.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Thu T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện HN yêu cầu giải quyết ly hôn giữa chị và anh Huỳnh Văn T. Hiện anh T đang cư trú tại ấp L, xã B, huyện HN, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh ĐT theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Huỳnh Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng anh T vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thu T và anh Huỳnh Văn T được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 21, ngày 11/3/2004 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện HN, tỉnh ĐT là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Xét, yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống chị T, anh T đã có mâu thuẫn với nhau là có thật. Nhận thấy trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải cho chị T, anh T đoàn tụ nhưng chị T vẫn cương quyết ly hôn, vì vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc và đã không còn sống chung với nhau từ tháng 5 năm 2022 cho đến nay. Anh

T đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh T cũng không đến Tòa án để hòa giải, hàn gắn tình cảm với chị Trang, điều này cho thấy anh Tuấn không có thiện chí để đoàn tụ với chị T. Nhận thấy hôn nhân giữa chị T, anh T không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Huỳnh Văn T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc nuôi con: Đối với con chung Huỳnh Văn Ngọc A, sinh ngày 03/9/2003 đã trưởng thành, có khả năng lao động sinh sống được, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung Huỳnh Văn Cát T, sinh ngày 12/02/2011, hiện đang sống cùng anh T ổn định và được đảm bảo về mọi mặt. Đồng thời, con chung Cát T có nguyện vọng sống cùng anh T, chị T cũng thống nhất giao con chung Cát T cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, nghĩ nên giao con chung Cát T cho anh T được tiếp tục trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là đảm bảo tốt về quyền lợi mọi mặt và phát triển bình thường của con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Thu T thống nhất cấp dưỡng cho con chung Huỳnh Văn Cát T, sinh ngày 12/02/2011 hàng tháng, mức cấp dưỡng mỗi tháng bằng nửa tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm thi hành án, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3 năm 2023 cho đến khi con chung Cát T đủ 18 tuổi. Xét đây là sự nguyện của chị T phù hợp với quy định tại Điều 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị T.

[7] Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị T theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về tài sản chung và nợ chung chị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HN là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, tổng cộng 600.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0004165 ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN. Chị T còn phải nộp tiếp 300.000đ là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, các Điều 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu T. Cho chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Huỳnh Văn T.

2. Về việc nuôi con:

2.1 Con chung Huỳnh Văn Ngọc A, sinh ngày 03/9/2003 đã trưởng thành, có khả năng lao động sinh sống được.

2.2 Giao con chung Huỳnh Văn Cát T, sinh ngày 12/02/2011 cho anh Huỳnh Văn T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.3 Chị Nguyễn Thị Thu T cấp dưỡng cho con chung Huỳnh Văn Cát T, sinh ngày 12/02/2011 hàng tháng, mức cấp dưỡng mỗi tháng bằng nửa tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định tại thời điểm thi hành án, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3 năm 2023 cho đến khi con chung Cát T đủ 18 tuổi.

2.4 Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị T.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu T chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, tổng cộng 600.000 đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0004165 ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN. Chị T còn phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/03/2023). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Thùy Dung